TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 09/2022/HSST
Ngày 24/02/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B- THÀNH PHỐ HÀ NỘI

***** Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

+ Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Thịnh

+ Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Thuật.

Ông Lê Văn Hoan.

***** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Bình, Kiểm sát viên

***** Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Phương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, thành phố Hà Nội.

Ngày 24/02/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, thành phố Hà Nội tiến hành mở phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án hình sự thụ lý số: 14/2021/HSST ngày 08/12/2021,theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2021/QĐXX-HS ngày 14/12/2021 đối với các bị cáo:

1. Trần Đức Đ, sinh năm 1997; Tên gọi khác: Không; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn CĐ, xã CĐ, huyện B, thành phố Hà Nội, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông Trần Đức Định (Đã chết) và bà Trần Thị Mai Hương, sinh năm: 1975. Vợ, con: Chưa có. Tiền sự: Không. Tiền án: 01 tiền án (Tại bản án hình sự sơ thẩm số

88/2017/HSST ngày 11/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện B xử phạt Trần Đức Đ 42 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong hình phạt, ra trại ngày 12/7/2020, chưa được xóa án tích). Nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 71/2015/HSST ngày 08/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện B xử phạt Trần Đức Đ 18 tháng tù giam về tội Cố ý gây thương tích. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/8/2021 cho đến nay tại Trại tạm giam số 1, Công an thành phố Hà Nội. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Ngô Văn Q, sinh năm 1994; Tên gọi khác: Không; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Vân Hội, xã PV, huyện B, thành phố Hà Nội, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông Ngô Văn Bằng, sinh năm: 1968 và bà Ngô Thị H3, sinh năm: 1973. Vợ: Trần Thị Thuần, sinh năm: 1994. Con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2019, nhỏ nhất sinh năm 2021. Tiền sự: 01 (Ngày 14/01/2021 bị Công an huyện B xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền do có hành vi chống người thi hành công vụ). Tiền án: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại xin vắng mặt tại phiên tòa.

3. Hoàng Thế L, sinh năm 1999; Tên gọi khác: Không; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Tân Phong 3, xã PV, huyện B, thành phố Hà Nội, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa:….; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông Hoàng Văn Huấn, sinh năm: 1972 và bà Lê Thị Lâm, sinh năm: 1973. Vợ, con chưa có. Tiền án, Tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại xin vắng mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:** 1. Anh Ngô Văn D1, sinh năm: 1987;

Nơi cư trú: Thôn Tân Phong 3, xã PV, huyện B, Hà Nội.

2. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm: 1969;

Nơi cư trú: Thôn CĐ, xã CĐ, huyện B, thành phố Hà Nội.

3. Anh Chu Văn T1, sinh năm: 1991;

Nơi cư trú: Thôn Đồng Bảng, xã ĐT, huyện B, thành phố Hà Nội.

4. Chị Bùi Thị Bích H3, sinh năm: 1997;

Nơi cư trú: Thôn Mai Trai, xã Vạn Thắng, huyện B, Hà Nội.

(Anh H1 có mặt, anh D1, anh T1, chị H3 vắng mặt tại phiên tòa)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Chu Thế H4, sinh năm: 1996;

Địa chỉ: Thôn Vật Phụ, xã VL, huyện B, Hà Nội.

2. Anh Đỗ Văn S, sinh năm: 1994;

Nơi cư trú: Thôn Mai Trai, xã Vạn Thắng, huyện B, Hà Nội.

(Anh H2, anh S vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Đ đã lợi dụng lòng tin của những người Đ quen biết để mượn 04 chiếc xe mô tô, sau đó mang đi cầm cắm cho Ngô Văn Q, Hoàng Thế L. Biết xe Đ mang đến cầm cắm không phải là xe của Đ và do vi phạm pháp luật mà có nhưng vì hám lợi Q và L vẫn đồng ý nhận cầm cố xe mô tô của Đ. Sau đó, khi Đ thông báo không chuộc lại thì Q và L đã tháo rời linh kiện, phụ tùng của các xe mô tô, vứt bỏ biển số xe để bán để kiếm lời và tránh sự phát hiện của các cơ quan pháp luật. Nội dung cụ thể như sau:

Vụ thứ 1: Sáng ngày 29/5/2021, anh Ngô Văn D1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu, BKS: 33N8-2795; số khung: 032763; số máy: 0882745 của mình đến nhà Trần Đức Đ chơi. Sau đó, Đ mượn xe mô tô của anh D1 để đi ra ngoài mua đồ, anh D1 nghĩ Đ đi mua đồ ăn nên đồng ý. Đ điều khiển xe mô tô BKS: 33N8-2795 của anh D1 đi theo Quốc lộ 32 hướng Trung Hà đi S Tây. Do không có tiền tiêu sài nên Đ nảy sinh ý định cầm cố xe mô tô của anh D1. Đ điều khiển xe mô tô đến quán Bi-a có biển hiệu "Bi-a 68" ở thôn Vật Phụ, xã VL, huyện B gặp Chu Thế H2 là chủ quán để đặt vấn đề cầm cố chiếc xe mô tô và được H2 đồng ý. H2 cho Đ cầm cố chiếc xe mô tô có đặc điểm nêu trên với số tiền 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*). Lấy được tiền, Đ đi chơi

đến khoảng 19 giờ cùng ngày thì về nhà. Thấy Đ không đi xe của mình về anh D1 hỏi xe thì Đ nói do cần tiền trả nợ nên Đ đã cầm cố chiếc xe mô tô của anh D1. Đồng thời hứa với D1 trong thời gian một, hai ngày tới Đ sẽ mang về trả cho anh D1. Do vậy, anh D1 đã ở lại nhà Đ để đợi Đ trả xe. Khoảng 2 ngày sau, Đ đến gặp H2, đề nghị H2 đưa thêm cho Đ 500.000 đồng nữa, coi như là Đ cầm cố chiếc xe này cho H2 là 4.500.000 đồng và được H2 đồng ý. Khoảng 05 ngày sau, H2 yêu cầu Đ phải chuộc xe nhưng Đ không có tiền để chuộc nên Đ liên lạc với Ngô Văn Q là người có cửa hàng sửa xe máy biển hiệu "Made in Hải Anh" tại thôn Vân Hội, xã PV, huyện B. Đ đến cửa hàng của Q, nói chuyện với Q về việc Đ có cầm cố 01 chiếc xe mô tô Honda Dream cho H2 với số tiền 5.000.000 đồng, H2 yêu cầu Đ phải chuộc lại chiếc xe nhưng Đ không có tiền nên nhờ Q xuống chuộc lại xe cho Đ, coi như Đ cầm cố xe cho Q. Khi nào Đ có tiền chuộc lại xe thì sẽ gửi Q vài trăm nghìn uống nước. Thấy Đ nói vậy, Q đồng ý đi cùng Đ đến gặp H2 để xem xe. Q hỏi Đ về nguồn gốc xe thì Đ nói "xe của người quen", Q hỏi "đăng ký của xe" thì Đ nói "đăng ký xe cầm cố chỗ khác". Sau đó, Q đồng ý chuộc lại xe của Đ với mục đích là nếu Đ chuộc lại thì Q sẽ được Đ cho tiền như đã nói. Còn nếu Đ không có tiền chuộc lại thì Q tháo phụ tùng của chiếc xe ra bán sẽ được nhiều hơn số tiền 5.000.000 đồng mà Q bỏ ra chuộc xe. Q đưa H2 5.000.000 đồng rồi lấy xe đi về quán của Q. Do Đ chỉ cầm cố chiếc xe này cho H2 4.500.000 đồng nên sau khi Q đưa H2 5.000.000 đồng thì Đ đã lấy lại của H2 số tiền 300.000 đồng còn 200.000 đồng Đ cho H2, toàn bộ số tiền cầm cố xe Đ đã tiêu sài cá nhân hết. Khoảng 01 tuần sau, Đ gọi điện thoại cho Q để thông báo cho Q biết Đ không có khả năng chuộc lại xe, thì Q đã tháo rời toàn bộ linh kiện phụ tùng của chiếc xe ra để bán. Q sử dụng tên tài khoản Facebook có tên "Made in Hải Anh" đăng tải hình ảnh linh kiện phụ tùng xe mô tô lên mạng xã hội Facebook để bán. Một số linh kiện phụ tùng và biển kiểm soát của xe không bán được thì Q bán cho người mua sắt vụn qua đường. Do bán cho nhiều người khác nhau nên Q không nhớ đã bán cho những ai. Sau khi bán hết các linh kiện, phụ tùng của xe, Q được hưởng số tiền chênh lệnh khoảng 1.000.000 đồng. Bản thân Q nhận thức được chiếc xe mô tô này là do Đ vi phạm pháp luật, chiếm đoạt mà có. Tuy nhiên, do hám lợi nên Q vẫn nhận cầm cố

để khi Đ không chuộc được thì tháo ra bán kiếm lời và tránh sự phát hiện của các cơ quan pháp luật.

Vụ thứ 2: Khoảng buổi chiều ngày 30/5/2021, anh D1 thấy Đ chưa có tiền để đi chuộc xe về trả nên anh D1 bảo Đ đưa mình về nhà. Do không có phương tiện đưa anh D1 về nên Đ đã đi đến nhà anh Nguyễn Văn H1 hỏi mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS: 33P4-6084; số khung: 135494; số máy: 1135608 của anh H1 để chở anh D1 về và được anh H1 đồng ý cho mượn. Sau khi đưa anh D1 về, Đ đi xe mô tô đến nhà nghỉ biển hiệu "Ngọc Bách" địa chỉ: thôn Nhông Nương Tụ, xã Phú S, huyện B để nghỉ. Đến khoảng 9 giờ ngày 31/5/2021, do không có tiền trả nhà nghỉ và tiền tiêu sài nên Đ nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe mô tô của anh H1. Đ gọi điện thoại cho Ngô Văn Q để đặt vấn đề cầm cố chiếc xe mô tô mà Đ đã mượn của anh H1 với số tiền 2.500.000 đồng, Q hỏi Đ về nguồn gốc của xe mô tô, thì Đ trả lời xe Đ mượn của đứa em, đăng ký xe Đ đã mang đi cầm cố ở chỗ khác. Q đồng ý nhận cầm cố xe cho Đ và không hỏi gì thêm. Sau đó, Q bảo H2 Thế L đến gặp Đ đưa tiền để lấy xe mô tô về, L đồng ý. Q đưa cho L 2.500.000 đồng để trả cho Đ, rồi sử dụng xe mô tô chở L đến đầu lối rẽ vào nhà nghỉ Ngọc Bách, L xuống xe đi vào nhà nghỉ gặp Đ đưa cho Đ 2.500.000 đồng, rồi lấy xe đi về cửa hàng của Q. Không thấy Đ mang xe về trả, anh H1 gọi điện thoại và đến nhà tìm Đ nhưng không gặp Đ. Đến ngày 16/06/2021, do chưa thấy Đ trả xe nên anh D1 và anh H1 cùng đến Cơ quan Công an để trình báo nội dung sự việc. Số tiền có được từ việc cầm cố xe mô tô nói trên, Đ đã tiêu sài cá nhân hết. Sau khi nhận cầm cố xe mô tô, biết đây không phải là xe của Đ, do Đ vi phạm pháp luật mà có và không có khả năng chuộc lại. Khoảng 3 - 4 ngày sau, Q và L đã trao đổi với nhau sẽ đã tháo rời linh kiện phụ tùng của xe ra bán lấy tiền chênh lệnh rồi chia nhau, L đồng ý. Sau đó, Q tiếp tục thông qua mạng xã hội Facebook để đăng tải hình ảnh linh kiện phụ tùng xe mô tô lên mạng bán. Số linh kiện, phụ tùng xe không bán được, Q bán cho người mua sắt vụn qua đường. Còn biển kiểm soát của xe, để tránh sự phát hiện của chủ xe và cơ quan pháp luật, Q bảo L đi vứt bỏ nên L mang ra bờ sông Đà thuộc thôn Vân Hội, xã PV vứt xuống sông. Do bán

cho nhiều người khác nhau nên Q không nhớ bán cho những ai. Sau khi bán hết các linh kiện phụ tùng của xe, Q được hưởng tiền chênh lệnh khoảng 1.000.000 đồng.

Vụ thứ 3: Khoảng chiều ngày 25/7/2021, Trần Đức Đ một mình đi đến nhà anh Chu Văn T1 để nhờ anh T1 chở về nhà. Anh T1 đồng ý rồi lấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda WaveS, màu đỏ, BKS: 33R2- 8407; số khung: 121595; số máy: 0231875 của mình để chở Đ về. Do không biết đường nên anh T1 đi theo sự chỉ dẫn đường của Đ, còn Đ ngồi sau. Khi đi đến đường mương TH 2 thuộc địa phận thôn Viên Châu, xã CĐ thì Đ bảo anh T1 dừng xe lại. Tại đây, Đ hỏi mượn xe mô tô của anh T1 để đi vào nhà bà ngoại của Đ lấy tiền và được anh T1 đồng ý. Mượn được xe mô tô của anh T1, Đ điều khiển xe đi vào làng thôn Viên Châu đến nhà bà ngoại nhưng Đ không vào nhà do không thấy bà ngoại ở nhà. Lúc này, do không có tiền tiêu sài nên Đ đã nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe mô tô của anh T1. Sau đó, Đ điều khiển xe mô tô của T1 đi đến gần Trạm y tế xã PV, huyện B rồi gọi điện thoại cho Ngô Văn Q để đặt vấn đề cầm cố chiếc xe mô tô. Q đồng ý rồi rủ Hoàng Thế L cùng đi đến gặp Đ để xem xe, L đồng ý đi cùng Q. Khi gặp Đ, Q xem xe rồi nhận cầm cố chiếc xe mô tô trên với số tiền 2.500.000 đồng và Đ đồng ý. Q đưa số tiền 2.500.000 đồng cho Đ, rồi Q điều khiển xe mô tô BKS: 33R2- 8407 của Đ vừa cầm cố, L điều khiển chiếc xe ban đầu Q và L đi đến, rồi cùng nhau về quán sửa xe của Q. Đến ngày 26/7/2021, do chưa thấy Đ trả xe nên anh T1 đến Cơ quan Công an để trình báo nội dung sự việc. Khoảng 3-4 ngày sau khi nhận cầm cố, không thấy Đ đến chuộc xe nên Q và L tiếp tục tháo rời phụ tùng, linh kiện của chiếc xe mô tô ra bán. Q tiếp tục giao bán các linh kiện qua mạng xã hội Facebook. Và số linh kiện không bán được qua mạng thì Q bán cho người mua sắt vụn qua đường. Còn biển kiểm soát của xe mô tô Q bảo L đi vứt nên L lại mang ra bờ sông Đà thuộc thôn Vân Hội, xã PV vứt xuống sông. Do bán cho nhiều người khác nhau nên Q không nhớ bán cho những ai. Sau khi bán hết các linh kiện phụ tùng của xe, Q được hưởng tiền chênh lệnh khoảng 1.000.000 đồng.

Vụ thứ 4: Khoảng 14 giờ ngày 03/8/2021, chị Bùi Bích H3 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng-đen-bạc, BKS: 29V1-287.34; số khung: 510690; số

máy: 5510774 đến nhà Đ chơi. Gặp nhau ở sân, Đ hỏi mượn xe của chị H3 để đi đến nhà bạn Đ lấy tiền thì được chị H3 đồng ý. Chị H3 đưa chìa khóa và cho Đ mượn chiếc xe mô tô của mình, còn chị H3 ở nhà Đ chơi. Đ điều khiển xe mô tô BKS: 29V1-287.34 của chị H3 đi đến nhà bạn ở khu vực bến đò xã CĐ nhưng bạn của Đ đi vắng nên không gặp được, do không có tiền tiêu sài nên Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô của chị H3 để cầm cố. Đ sử dụng số điện thoại 0822761994 gọi vào số 0941785394 của Ngô Văn Q để đặt vấn đề cầm cố chiếc xe mô tô mà Đ đã mượn của chị H3. Q đồng ý và hẹn gặp nhau ở khu vực bến đò xã CĐ. Sau đó, Q rủ Hoàng Thế L đi cùng đến gặp Đ để xem xe. Khi gặp Đ, Q đồng ý cho Đ cầm cố chiếc xe mô tô với giá 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng)*, Q hỏi xe của ai và đăng ký xe đâu thì Đ nói là xe của Đ, đăng ký đang mang đi cầm cố ở nơi khác. Do Q không mang đủ tiền nên Đ và Q thống nhất Q sẽ lấy xe đi về nhà rồi chuyển tiền cho Đ qua tài khoản ngân hàng. Thỏa thuận xong, L điều khiển xe mô tô mà Q và L đi đến còn Q điều khiển xe mô tô BKS: 29V1-287.34 của Đ vừa cầm cố về quán sửa xe. Đ về nhà, không thấy Đ đi xe mô tô của mình về, chị H3 hỏi xe thì Đ nói xe cho em của Đ mượn đi S Tây có việc chưa về nên chị H3 ở nhà Đ chơi đợi lấy xe. Đ xin số tài khoản ngân hàng của chị H3 và nói để cho bạn Đ chuyển tiền vào, chị H3 đồng ý. Sau đó, Đ nhắn tin cho Q 02 số tài khoản. Q bảo vợ mình là Trần Thị Thuần sử dụng tài khoản ngân hàng BIDV có số: 45110000888106 chuyển tiền vào chuyển vào tài khoản ngân hàng BIDV có số: 45110000938232 của Đ số tiền 2.000.000 đồng và chuyển vào tài khoản ngân hàng BIDV có số: 45110000348363 của chị H3 số tiền 1.000.000 đồng. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày Đ gọi điện thoại cho Q bảo chuyển cho Đ thêm 500.000 đồng vào số tài khoản của chị H3 đồng thời Đ sẽ bán luôn chiếc xe mô tô BKS: 29V1-287.34 cho Q và được Q đồng ý. Q tiếp tục bảo vợ mình chuyển 500.000 đồng vào tài khoản của chị H3 theo yêu cầu của Đ. Sau khi nhận được tiền, Đ nói với chị H3 lấy tiền trong tài khoản mà chơi game và nạp tiền điện thoại nên chị H3 đã sử dụng 300.000đ để nạp thẻ điện thoại và chơi game. Số tiền còn lại chị H3 nạp vào game và nạp tiền điện thoại cho Đ theo yêu cầu của Đ. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, qua nhiều lần hỏi Đ về chiếc xe thì Đ mới nói cho chị H3 biết Đ đã cầm cố xe mô tô của chị H3 và hẹn ngày

hôm sau sẽ chuộc lại đem trả, nên chị H3 đi về. Qua nhiều lần chị H3 gọi điện thoại cho Đ để yêu cầu trả xe nhưng Đ không trả. Đến ngày 07/8/2021, chị H3 đến Cơ quan Công an để trình báo nội dung sự việc. Đối với Q và L, sau khoảng 04 ngày, không thấy Đ đến chuộc xe nên Q và L đã tháo rời linh kiện, phụ tùng của xe ra. Biển kiểm soát của xe mô tô Q bảo L đi vứt bỏ nên L đã mang biển kiểm soát của xe ra hồ thuộc thôn Vân Hội, xã PV để vứt bỏ. Quá trình làm việc với Cơ quan điều tra, do chưa kịp bán các linh kiện của xe mô tô BKS: 29V1-287.34 mà Q đã nhận cầm cố của Đ ngày 03/8/2021, Q và L đã tự nguyện giao nộp lại toàn bộ số linh kiện, phụ tùng và biển kiểm soát của chiếc xe mô tô trên cho Cơ quan CSĐT. Ngoài ra trong quá trình thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp tại quán sửa xe máy biển hiệu "Made in Hải Anh" của Ngô Văn Q, Cơ quan CSĐT đã thu giữ được: - *02 (hai) thụt giảm xóc bằng kim loại phía sau của xe mô tô. - 01 (một) bộ vỏ lốc máy của xe mô tô, trên vỏ có chữ Honda.* L khai các đồ vật, tài sản này này là phụ tùng được tháo ra từ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đỏ, BKS: 33P4-6084 mà Trần Đức Đ đã cầm cố cho Ngô Văn Q.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B số 89 ngày 10/7/2021 kết luận: *"01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đỏ đen, BKS: 33P4-6084, số khung: 135494, số máy: 1135608, đăng ký lần đầu năm 2008, xe đã qua sử dụng: 7.000.000 đồng*

01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu, BKS: 33N8-2795, số khung: 032763, số máy: 0882745, đăng ký lần đầu năm 2006, xe đã qua sử dụng: 12.000.000 đồng. Tổng giá trị của hai xe là 19.000.000 đồng (Mười chín triệu đồng chẵn)".

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B số 109 ngày 27/8/2021 kết luận: *"01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave màu trắng – đen – bạc, BKS: 29V1-287.34, xe đã qua sử dụng: 10.000.000 đồng. Tổng giá trị là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng chẵn)".*

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B số 110 ngày 27/8/2021 kết luận: *"01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave màu trắng – đen*

– bạc, BKS: 33R2-8407, xe đã qua sử dụng: 7.000.000 đồng. Tổng giá trị là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng chẵn)".

Vật chứng thu giữ: *02 (hai) thụt giảm xóc bằng kim loại phía sau của xe mô tô. 01 (một) bộ vỏ lốc máy của xe mô tô, trên vỏ có chữ Honda. 01(một) khung thân xe có khắc số khung: RLH4C1216DY510690; 01(một) bộ động cơ xe mô tô có khắc số máy: HC12E-5510774; 02(hai) chiếc lốp liền vành xe mô tô; 02(hai) chiếc săm xe mô tô màu đen; 01(một) bộ dàn để chân xe mô tô; 01(một) bộ nhông xích xe mô tô; 02(hai) cánh yếm xe mô tô màu trắng; 01(một) mặt nạ chắn trước đầu xe mô tô màu trắng; 01(một) chắn bùn bánh trước, 01 chắn bùn bánh sau xe mô tô màu trắng; 02(hai) ốp nhựa sườn xe mô tô màu trắng; 01(một) ốp nhựa bộ đèn pha xe mô tô màu trắng; 01(một) bộ ổ khóa xe mô tô; 01(một) ghi đông (tay lái) xe mô tô; 02 (hai) bát phanh xe mô tô; 01 (một) biển kiểm soát: 29V1-287.34.*

Đối với Chu Thế H2 nhận cầm cố xe cho Đ do nghĩ Đ là bạn của Nam và chỉ muốn cầm cố hộ, không tính toán gì đến lãi suất cầm cố. H2 hoàn toàn không biết chiếc xe nhận cầm cố của Đ là do Đ vi phạm pháp luật mà có.

Về dân sự: - Anh Ngô Văn D1 có yêu cầu, đề nghị giải quyết vấn đề dân sự theo quy định của pháp luật. - Anh Nguyễn Văn H1 có yêu cầu được trả lại tài sản đã bị chiếm đoạt và giải quyết theo quy định của pháp luật. - Chị Bùi Bích H3 xin được nhận lại các linh kiện, phụ tùng của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu S: trắng-đen-bạc, BKS: 29V1-28734 mà bị can Trần Đức Đ đã chiếm đoạt của chị H3 ngày 03/8/2021. Đồng thời yêu cầu bị can Đ phải bồi thường: 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) là tiền công lắp ráp hoàn thiện xe. - Anh Chu Văn T1 đã được gia đình bị can Trần Đức Đ bồi thường một khoản tiền thỏa đáng đối với chiếc xe mô tô BKS: 33R2- 8407 mà Đ đã chiếm đoạt nên anh T1 không có yêu cầu đề nghị gì thêm về dân sự.

Tại bản cáo trạng số: 142/CT-VKS ngày 30/11/2021,Viện kiểm sát nhân dân huyện B, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Trần Đức Đ về tội: *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản",* theo b Khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Truy tố bị cáo Ngô Văn Q và Hoàng Thế L về tội "*Tiêu thụ tài sản do người*

khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa hôm nay Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Đức Đ, Ngô Văn Q và Hoàng Thế L về tội danh, điều luật như cáo trạng đã nêu. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung 2017. Xử phạt bị cáo Trần Đức Đ từ 24 đến 30 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm b,s khoản 1, khoản Điều 51; Điều 38 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung 2017. Xử phạt bị cáo Ngô Văn Q từ 09 đến 12 tháng tù. Xử phạt bị cáo Hoàng Thế L từ 06 đến 09 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho các bị cáo. Vật chứng xử lý theo quy định của pháp luật. Về dân sự: Tại phiên tòa hôm nay, bị hại anh Ngô Văn D1 vắng mặt và có yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản là giá trị chiếc xe máy với số tiền 12.000.000đ, đề nghị HĐXX buộc bị cáo Trần Đức Đ phải có trách nhiệm bồi thường cho anh D1, đối với anh Nguyễn Văn H1 yêu cầu bị cáo Đ phải bồi thường thiệt hại tài sản là giá trị chiếc xe máy số tiền 7.000.000đ, bị cáo Đ đồng ý bồi thường, đề nghị HĐXX ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về việc bồi thường giữa bị cáo Đ và bị hại H1. Đối với chiếc xe máy của anh Chu Văn T1 đã nhận bồi thường và không có yêu cầu gì, đối với các linh kiện phụ tùng chiếc xe máy bị tháo rời của vợ chồng chị Bùi Thị Bích Hanh, anh Đỗ Văn S, đã được trả lại lắp ráp hoàn thiện, chị H3, anh S không có yêu cầu gì. Về án phí các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến kiểm sát viên, bị cáo cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã

thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Trần Đức Đ, Ngô Văn Q, Hoàng Thế L đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, biên bản khám xét, biên bản đối chất, phù hợp lời khai của bị hại, người có Q lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản thu giữ tang vật CQĐT thu giữ, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, như vậy HĐXX có đủ cơ sở xác định: Lợi dụng lòng tin, sự tín nhiệm của các bị hại, trong các ngày 29/5/2021, 03/6/2021, 25/7/2021, 03/8/2021 trên địa bàn huyện B, thành phố Hà Nội, bị cáo Trần Đức Đ đã thực hiện hành vi mượn 04 chiếc xe máy của anh Ngô Văn D1, Nguyễn Văn H1, Chu Văn T1 và chị Bùi Bích H3 sau đó mang đi cầm cố, bán cho Ngô Văn Q, Hoàng Thế L để lấy tiền tiêu sài cá nhân. Tổng giá trị tài sản mà Đ chiếm đoạt được là 36.000.000đ (*Ba mươi sáu triệu đồng)*. Đối với Ngô Văn Q và Hoàng Thế L biết rõ các xe máy mà Trần Đức Đ cầm cố, bán là do Đ phạm tội mà có nhưng vẫn đồng ý nhận cầm cố, mua 04 chiếc xe máy của Đ, sau đó trao đổi bàn bạc cùng tháo rời các chi tiết, phụ tùng của 04 chiếc để bán, hưởng lợi bất chính số tiền 3.000.000 đồng. Do vậy, HĐXX có đầy đủ căn cứ chứng minh hành vi bị cáo Trần Đức Đ thực hiện ngày 29/5/2021, 03/6/2021, 25/7/2021, 03/8/2021 đã phạm tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*, tội danh và hình phạt được quy định tại b Khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Hành vi của bị cáo Ngô Văn Q và Hoàng Thế L thực hiện đã phạm tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*" được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo Trần Đức Đ, Ngô Văn Q, Hoàng Thế L là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến Q sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, do vậy cần

thiết phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi của các bị cáo Đ, Q, L đã thực hiện mới có tác dụng giáo dục riêng và làm bài học cảnh tỉnh chung.

Trong vụ án Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản không có đồng phạm, trong thời gian ngắn bị cáo Đ lợi dụng lòng tin, sự tín nhiệm của các bị hại đã mượn 04 chiếc xe máy mang đi cầm cố lấy tiền tiêu sài, do vậy bị cáo Đ phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi đã thực hiện.

Trong vụ án Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, có đồng phạm nhưng tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc phân công, phân nhiệm rõ ràng cụ thể, tuy nhiên HĐXX cần thiết phải đánh giá vai trò của từng bị cáo để áp dụng mức hình phạt cho phù hợp, đảm bảo sự công bằng cho các bị cáo.

Đối với bị cáo Ngô Văn Q, mặc dù bị cáo biết 04 chiếc xe máy của Đ phạm tội mà có, biết không phải là xe thuộc Q sở hữu của Đ nhưng vẫn nhận cầm cố, nhận mua, sau đó bằng thủ đoạn tháo rời từng bộ phận bán lẻ nhằm tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng và đã bán được 03 chiếc xe máy thu lời bất chính số tiền 3.000.000đ do vậy bị cáo Q giữ vai trò cao nhất trong vụ án.

Đối với bị cáo Hoàng Thế L, mặc dù là nhân viên làm công được trả tiền hàng tháng, giúp việc cho Q, bị cáo biết 03 chiếc xe máy của Đ là do Đ phạm tội mà có, bị cáo tiếp tay giúp sức cùng bị cáo Q tháo rời từng bộ phận ra để bán, bị cáo là người mang các BKS xe máy đi vứt bỏ tẩu tán nhằm tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng, do vậy bị cáo giữ vai trò giúp sức và chịu mức án sau bị cáo Q.

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Đức Đ có 01 tiền án chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội, trong khoảng thời gian ngắn bị cáo lợi dụng sự tín nhiệm, lòng tin của các bị hại đã chiếm đoạt 04 chiếc xe máy mang cầm cố, bán để lấy tiền tiêu sài, hành vi của bị cáo được xác định là tái phạm và phạm tội từ 02 lần trở lên, do vậy bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình theo điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Các bị cáo Ngô Văn Q, H2 Thế L đều biết tài sản là những chiếc xe máy không thuộc Q sở hữu của Đ nhưng vẫn nhận mua sau đó tháo rời các bộ phận ra bán mục đích tránh bị cơ quan chức năng phát

hiện, hành vi của các bị cáo được xác định phạm tội từ 02 lần trở lên, do vậy các bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015, sủa đổi bổ sung năm 2017.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo Ngô Văn Q và Hoàng Thế L phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi sự việc xảy ra các bị cáo đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả một phần cho bị hại, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Do vậy bị cáo Trần Đức Đ được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung 2017. Các bị cáo Ngô Văn Q, Hoàng Thế L được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung 2017.

Về nhân thân: Bị cáo Trần Đức Đ có 01 tiền án, tại bản án hình sự sơ thẩm số 88/2017/HSST ngày 11/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện B xử phạt Trần Đức Đ 42 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo Đ có nhân thân xấu: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 71/2015/HSST ngày 08/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện B xử phạt Trần Đức Đ 18 tháng tù giam về tội Cố ý gây thương tích. Bị cáo Ngô Văn Q có 01 tiền sự, ngày 14/01/2021 bị Công an huyện B xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền do có hành vi chống người thi hành công vụ.

Qua phân tích và nhận định như trên, trên cơ sở xem xét, đánh giá toàn diện chứng cứ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo. HĐXX xét thấy: Đối với bị cáo Đ lợi dụng lòng tin của các bị hại đã mượn 04 chiếc xe máy mang đi cầm cố, bán lấy tiền tiêu sài, bản thân bị cáo đang có tiền án chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội, lần phạm tội này được xác định tái phạm, trong thời gian ngắn liên tiếp bị cáo thực hiện 04 vụ, được xác định phạm tội nhiều lần. Các bị cáo Q, L đều biết 04 chiếc xe máy không phải của Đ, không thuộc Q sở hữu của Đ nhưng vẫn mua, sau đó tháo rời các bộ phận ra để bán thu lời bất chính, được xác định phạm tội nhiều lần, bị cáo Q có 01 tiền sự. Do vậy hành vi của các

bị cáo cần thiết phải áp dụng Điều 38 BLHS 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 cách ly các bị cáo Đ, Q, L ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội, tuy nhiên khi quyết định hình phạt HĐXX xét các tình tiết giảm nhẹ để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Tiếp tục tạm giam bị cáo Đ để đảm bảo thi hành án.

Tại khoản 5 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định "*người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng...".* HĐXX xét thấy hiện bị cáo Đ không có công việc hay thu nhập ổn định, do vậy HĐXX xét miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo Đ.

Tại khoản 5 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định "*người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng...".* HĐXX xét thấy hiện bị cáo Q, bị cáo L không có thu nhập không ổn định, do vậy HĐXX xét miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo Q, bị cáo L.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với chiếc xe máy của anh Ngô Văn D1 và chiếc xe máy của anh Nguyễn Văn H1, sau khi Đ chiếm đoạt được đã mang cầm cố cho bị cáo Q, sau đó bị cáo Q tháo rời các bộ phận của 02 chiếc xe máy này bán không thu hồi được, do bị cáo Đ gây ra thiệt hại, do vậy bị cáo Đ phải hoàn toàn có trách nhiệm bồi thường theo giá trị tài sản mà HĐ ĐG đã định giá, do vậy cần buộc bị cáo Trần Đức Đ phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Ngô Văn D1 số tiền 12.000.000đ. Bồi thường cho anh Nguyễn Văn H1 số tiền 7.000.000đ là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Đ tự nguyện đồng ý bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh D1 và anh H, do vậy cần ghi nhận.

Đối với chiếc xe máy của bị hại anh Chu Văn T1 đã được gia đình bị cáo Trần Đức Đ bồi thường một khoản tiền thỏa đáng đối với chiếc xe mô tô BKS: 33R2- 8407 mà Đ đã chiếm đoạt nên anh T1 không có yêu cầu đề nghị gì thêm về dân sự.

Đối với chiếc xe máy của bị hại chị Bùi Thị Bích H3 xin được nhận lại các linh kiện, phụ tùng của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu S: trắng-đen-bạc, BKS: 29V1-28734 mà bị can Trần Đức Đ đã chiếm đoạt của chị H3 ngày 03/8/2021. Trong quá

trình giải quyết vụ án đã được trả lại cho vợ chồng chị H3, anh S, các bị cáo Q, Đ đã khôi phục, lắp ráp lại, anh S, chị H3 đã nhận lại chiếc xe máy và không có yêu cầu bồi thường gì về dân sự.

Đối với Chu Thế H4 nhận cầm cố xe cho Đ do nghĩ Đ là bạn của Nam (Nam là bạn của H2) và chỉ muốn cầm cố hộ, không tính toán gì đến lãi suất cầm cố. H2 hoàn toàn không biết chiếc xe nhận cầm cố của Đ là do Đ vi phạm pháp luật mà có.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS vật chứng là: *02 (hai) thụt giảm xóc bằng kim loại phía sau của xe mô tô. 01 (một) bộ vỏ lốc máy của xe mô tô, trên vỏ có chữ Honda. 01(một) khung thân xe có khắc số khung: RLH4C1216DY510690; 01(một) bộ động cơ xe mô tô có khắc số máy: HC12E-5510774; 02(hai) chiếc lốp liền vành xe mô tô; 02(hai) chiếc săm xe mô tô màu đen; 01(một) bộ dàn để chân xe mô tô; 01(một) bộ nhông xích xe mô tô; 02(hai) cánh yếm xe mô tô màu trắng; 01(một) mặt nạ chắn trước đầu xe mô tô màu trắng; 01(một) chắn bùn bánh trước, 01 chắn bùn bánh sau xe mô tô màu trắng; 02(hai) ốp nhựa sườn xe mô tô màu trắng; 01(một) ốp nhựa bộ đèn pha xe mô tô màu trắng; 01(một) bộ ổ khóa xe mô tô; 01(một) ghi đông (tay lái) xe mô tô; 02 (hai) bát phanh xe mô tô; 01 (một) biển kiểm soát: 29V1-287.34.* Trong quá trình giải quyết vụ án đã được xử lý bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu sử dụng là anh S, chị H3 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với số tiền 3.000.000đ bị cáo Q sau khi tháo rời linh kiện phụ tùng của 03 chiếc xe máy bán thu lời bất chính cần phải truy nộp để sung công quỹ Nhà nước là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về án phí: Các bị cáo còn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/ Xử: Tuyên bố bị cáo: Trần Đức Đ phạm tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*. Tuyên bố các bị cáo: Ngô Văn Q, Hoàng Thế L phạm tội: "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*"

2. Áp dụng b Khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Trần Đức Đ: 24 *(Hai mươi bốn)* tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 07/8/2021.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Ngô Văn Q: 08 *(Tám)* tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt thi hành án.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Thế L : 06 *(Sáu)* tháng tù thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt thi hành án.

5. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584; 585; 589 BLDS năm 2015.

Buộc bị cáo Trần Đức Đ phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Ngô Văn D1 số tiền 12.000.000đ *(Mười hai triệu đồng)*.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về việc bồi thường thiệt hại về giá trị tài sản giữa bị cáo Trần Đức Đ với anh Nguyễn Văn H1. Bị cáo Đ phải có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Văn H1 số tiền 7.000.000đ *(Bảy triệu đồng)*.

6. Về vật chứng: Áp dụng điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS:

- Truy nộp đối với bị cáo Ngô Văn Q số tiền 3.000.000đ thu lời bất chính để sung công quỹ Nhà Nước.

7. Về Án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự ; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Đức Đ phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 950.000đ *(Chín trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo Ngô Văn Q, Hoàng Thế L mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

8. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 BLTTHS

Bị cáo Trần Đức Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các bị cáo Ngô Văn Q, Hoàng Thế L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

Bị hại anh Ngô Văn H1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại anh Ngô Anh D1, Chu Văn T1, Bùi Thị Bích H3 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Chu Thế H2, anh Đỗ Văn S có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thị hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

Nơi nhận:
- TAND TP.Hà Nội;
- VKSND huyện B;
- Công an huyện B;
- Chi cục thi hành án huyện B;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phúc Thịnh